

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2025 CỦA ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

1. Thông tin về Đề án tuyển sinh:



2. Thông tin về các ngành/chương trình tuyển sinh:

Năm 2025, ĐHKQTĐ dự kiến tuyển sinh 73 mã ngành/chương trình với 89 chương trình đào tạo tại phụ lục kèm theo.

Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành, chương trình/nhóm ngành; theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo năm 2025 sẽ được ĐHKQTĐ thông báo sau.

Chi tiết về các chương trình đào tạo tại đây:



3. Phương thức tuyển sinh:

3.1. Xét tuyển thẳng áp dụng cho các đối tượng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và theo quy định của ĐHKQTĐ, cụ thể như sau:

➤ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng và tốt nghiệp THPT năm 2025 được xét tuyển thẳng vào ngành thí sinh đăng ký theo chỉ tiêu phân bổ của ĐHKQTĐ.

➤ Thí sinh đoạt giải nhất trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng và tốt nghiệp THPT năm 2025 được xét tuyển thẳng vào các ngành theo danh mục thông báo của ĐHKQTĐ.

➤ Đối với các thí sinh đối tượng khác theo thông báo cụ thể của ĐHKQTĐ.

Lưu ý: Thí sinh diện được tuyển thẳng nếu không sử dụng quyền được tuyển thẳng thì chỉ được cộng điểm ưu tiên xét tuyển nếu đăng ký xét tuyển theo kết quả (tổ hợp) điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025, không được cộng điểm khi đăng ký xét tuyển kết hợp.

3.2. Xét tuyển theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 áp dụng cho các đối tượng thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 bao gồm thí sinh liên thông cao đẳng lên đại học chính quy; áp dụng cho tất cả các mã tuyển sinh năm 2025 của ĐHKQTĐ.

➤ ĐHKQTĐ sử dụng 04 tổ hợp (A00, A01, D01, D07) và không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển.

➤ Ngưỡng đầu vào dự kiến là **20 (hai mươi) điểm** đã bao gồm điểm ưu tiên.

3.3. Phương thức xét tuyển kết hợp áp dụng với tất cả các mã tuyển sinh năm 2025 và cho các nhóm đối tượng thí sinh như sau:

➤ **Nhóm 1:** gồm các thí sinh đạt mức **SAT từ 1200** điểm hoặc **ACT từ 26** điểm trở lên.

(Mã đăng ký của ĐHKQTĐ với tổ chức thi SAT là 7793-National Economics University và ACT là 1767-National Economics University).

➤ **Nhóm 2:** gồm các thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của ĐHQG Hà Nội **HSA từ 85** điểm hoặc của ĐHQG TPHCM **APT từ 700** điểm hoặc có điểm thi đánh giá tư duy của ĐH Bách khoa Hà Nội **TSA từ 60** điểm trở lên; hoặc thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đạt **IELTS 5.5** hoặc **TOEFL iBT 46** hoặc **TOEIC (4 kỹ năng: L&R 785, S 160 & W 150)** trở lên kết hợp với một trong các điểm thi HSA/APT/TSA nêu trên.

➤ **Nhóm 3:** gồm các thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đạt **IELTS 5.5** hoặc **TOEFL iBT 46** hoặc **TOEIC (4 kỹ năng: L&R 785, S 160, W 150)** trở lên kết hợp với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của môn Toán và 01 môn khác môn tiếng Anh thuộc các tổ hợp xét tuyển của Đại học.

Lưu ý:

- Phương thức xét tuyển kết hợp không xét tuyển đối với tất cả các chứng chỉ có hình thức thi “home edition”.
- Ngưỡng đầu vào là điều kiện nộp hồ sơ của từng nhóm đối tượng xét tuyển kết hợp.
- Các chứng chỉ HSA/APT/TSA và CCTAQT nêu trên cần có trong thời hạn 02 năm tính đến ngày 01/6/2025;
- Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế được quy đổi điểm như sau:

IELTS	TOEFL iBT	TOEIC (L&R/S/W)	Điểm quy đổi
7.5 - 9.0	102 trở lên	965/190/190 trở lên	10
7.0	94 - 101	945/180/180	9.5
6.5	79 - 93	890/170/170	9.0
6.0	60 - 78	840/160/160	8.5
5.5	46 - 59	785/160/150	8.0

4. Nộp hồ sơ đăng ký nguyện vọng và xét tuyển

a) Nộp hồ sơ và đăng ký nguyện vọng

- Thí sinh đạt ngưỡng đầu vào, đủ điều kiện được nộp hồ sơ xét tuyển theo tất cả các đối tượng và phương thức xét tuyển.

- Thí sinh được đăng ký không giới hạn nguyện vọng (NV) theo mã ngành/chương trình của Trường và phải xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (NV1 là NV ưu tiên cao nhất); thí sinh chỉ được trúng tuyển 01 NV.

- Hình thức tuyển sinh: trực tuyến/online, cụ thể:

+ Với xét tuyển thẳng và xét tuyển kết hợp: Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký trực tuyến/online theo thông báo chi tiết của ĐHKQTĐ.

+ Với xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT: Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến/online trên hệ thống của Bộ GD&ĐT

b) Nguyên tắc xét tuyển

- ĐHKQTĐ xét tuyển (đối với từng thí sinh) theo mức độ ưu tiên từ cao xuống thấp trong các NV đã đăng ký. Nếu đã trúng tuyển NV có ưu tiên cao hơn, thí sinh sẽ không được xét các NV có mức độ ưu tiên tiếp theo.

- Xét tuyển theo mã ngành/chương trình, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu, không phân biệt thứ tự NV giữa các thí sinh.

- Nếu xét tuyển theo từng đợt/từng đối tượng/từng phương thức xét tuyển trước chưa đủ chỉ tiêu, chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển cho các đợt/đối tượng/ phương thức xét tuyển sau và ngược lại.

5. Thời gian tuyển sinh

ĐHKQTĐ xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2025 của Bộ GD&ĐT, thí sinh cần theo dõi, cập nhật thông tin mới của Bộ GD&ĐT và của Trường tại các địa chỉ sau:

- Trang thông tin điện tử: <https://neu.edu.vn> ; <https://daotao.neu.edu.vn>

- Kênh tư vấn tương tác trực tiếp: <https://daotao.neu.edu.vn>

- Trang mạng xã hội có thông tin tuyển sinh: <https://www.facebook.com/ktqdNEU> ;

<https://www.facebook.com/tvtsneu>

- Email tuyển sinh: tuvantuyensinh@neu.edu.vn

- Số điện thoại tuyển sinh: 0888.128.558

- Địa chỉ: Phòng Quản lý Đào tạo, Đại học Kinh tế Quốc dân (Số 207 đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội)

Danh mục các ngành/chương trình tuyển sinh năm 2025

TT	Mã ngành/chương trình/nhóm ngành	Tên Ngành/Chương trình	Tổ hợp xét tuyển (Môn chính: Toán)
I	Các ngành/chương trình mới mở và tuyển sinh năm 2025 (dự kiến)		
1	7340408	Quan hệ lao động	A00, A01, D01, D07
2	7380109	Luật thương mại quốc tế	A00, A01, D01, D07
II	Các ngành/chương trình mới mở và tuyển sinh từ năm 2024		
1	EP15	Khoa học dữ liệu	A00, A01, D01, D07
2	EP16	Trí tuệ nhân tạo	A00, A01, D01, D07
3	EP17	Kỹ thuật phần mềm	A00, A01, D01, D07
4	EP18	Quản trị giải trí và sự kiện	A00, A01, D01, D07
5	7480104	Hệ thống thông tin	A00, A01, D01, D07
6	7480202	An toàn thông tin	A00, A01, D01, D07
III	Các chương trình học bằng tiếng Việt		
1	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	A00, A01, D01, D07
2	7340120	Kinh doanh quốc tế	A00, A01, D01, D07
3	7310106	Kinh tế quốc tế	A00, A01, D01, D07
4	7340122	Thương mại điện tử	A00, A01, D01, D07
5	7340121	Kinh doanh thương mại	A00, A01, D01, D07
6	7340115	Marketing	A00, A01, D01, D07
7	7340302	Kiểm toán	A00, A01, D01, D07
8	7340301	Kế toán	A00, A01, D01, D07
9	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A00, A01, D01, D07
10	7340204	Bảo hiểm	A00, A01, D01, D07
11	7340404	Quản trị nhân lực	A00, A01, D01, D07
12	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, D07
13	7810201	Quản trị khách sạn	A00, A01, D01, D07
14	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00, A01, D01, D07
15	7310101_1	Kinh tế học (ngành Kinh tế)	A00, A01, D01, D07
16	7310101_2	Kinh tế và quản lý đô thị (ngành Kinh tế)	A00, A01, D01, D07
17	7310101_3	Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực (ngành Kinh tế)	A00, A01, D01, D07
18	7310105	Kinh tế phát triển	A00, A01, D01, D07
19	7310108	Toán kinh tế	A00, A01, D01, D07
20	7310107	Thống kê kinh tế	A00, A01, D01, D07
21	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	A00, A01, D01, D07
22	7480201	Công nghệ thông tin	A00, A01, D01, D07
23	7480101	Khoa học máy tính	A00, A01, D01, D07
24	7380107	Luật kinh tế	A00, A01, D01, D07

TT	Mã ngành/chương trình/nhóm ngành	Tên Ngành/Chương trình	Tổ hợp xét tuyển (Môn chính: Toán)
25	7380101	Luật	A00, A01, D01, D07
26	7340401	Khoa học quản lý	A00, A01, D01, D07
27	7340403	Quản lý công	A00, A01, D01, D07
28	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00, A01, D01, D07
29	7850103	Quản lý đất đai	A00, A01, D01, D07
30	7340116	Bất động sản	A00, A01, D01, D07
31	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	A00, A01, D01, D07
32	7620115	Kinh tế nông nghiệp	A00, A01, D01, D07
33	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	A00, A01, D01, D07
34	7310104	Kinh tế đầu tư	A00, A01, D01, D07
35	7340409	Quản lý dự án	A00, A01, D01, D07
36	7320108	Quan hệ công chúng	A00, A01, D01, D07
37	7220201	Ngôn ngữ Anh	A00, A01, D01, D07
IV	Các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh		
1	EBBA	Quản trị kinh doanh (E-BBA)	A00, A01, D01, D07
2	EPMP	Quản lý công và Chính sách (E-PMP)/ngành Kinh tế	A00, A01, D01, D07
3	EP01	Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh (BBAE)/ngành QTKD	A00, A01, D01, D07
4	EP02	Định phí Bảo hiểm & Quản trị rủi ro (Actuary)	A00, A01, D01, D07
5	EP03	Phân tích dữ liệu kinh tế (Economic Data Analytics) (Chương trình được rà soát, cập nhật và cải tiến dựa trên chương trình Khoa học dữ liệu trong Kinh tế & Kinh doanh – DSEB tuyển sinh từ khóa 61, năm 2019)	A00, A01, D01, D07
6	EP04	Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB)	A00, A01, D01, D07
7	EP05	Kinh doanh số (E-BDB)/ngành QTKD	A00, A01, D01, D07
8	EP06	Phân tích kinh doanh (BA)/ngành QTKD	A00, A01, D01, D07
9	EP07	Quản trị điều hành thông minh (E-SOM) /ngành QTKD	A00, A01, D01, D07
10	EP08	Quản trị chất lượng và Đổi mới (E-MQI)/ngành QTKD	A00, A01, D01, D07
11	EP09	Công nghệ tài chính (BFT)/ngành TC-NH	A00, A01, D01, D07
12	EP10	Tài chính và Đầu tư (BFI)/ngành TC-NH	A00, A01, D01, D07
13	EP11	Quản trị khách sạn quốc tế (IHME)	A00, A01, D01, D07
14	EP12	Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB)	A00, A01, D01, D07
15	EP13	Kinh tế học tài chính (FE)/ngành Kinh tế	A00, A01, D01, D07
16	EP14	Logistics và Quản lý CCU tích hợp chứng chỉ Logistic quốc tế (LSIC)	A00, A01, D01, D07

TT	Mã ngành/chương trình/nhóm ngành	Tên Ngành/Chương trình	Tổ hợp xét tuyển (Môn chính: Toán)
V	Các chương trình định hướng ứng dụng POHE		
1	POHE1	Quản trị khách sạn (ngành Quản trị khách sạn)	A00, A01, D01, D07
2	POHE2	Quản trị lữ hành (ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)	A00, A01, D01, D07
3	POHE3	Truyền thông Marketing (ngành Marketing)	A00, A01, D01, D07
4	POHE4	Luật kinh doanh (ngành Luật kinh tế)	A00, A01, D01, D07
5	POHE5	Quản trị kinh doanh thương mại (ngành Kinh doanh thương mại)	A00, A01, D01, D07
6	POHE6	Quản lý thị trường (ngành Kinh doanh thương mại)	A00, A01, D01, D07
7	POHE7	Thẩm định giá (ngành Tài chính – Ngân hàng)	A00, A01, D01, D07
VI	Các chương trình tiên tiến		
1	TT1	(1) Kế toán	A00, A01, D01, D07
2		(2) Kế hoạch tài chính	
3		(3) Quản trị kinh doanh	
1	TT2	(1) Tài chính	A00, A01, D01, D07
2		(2) Kinh doanh quốc tế	
VII	Các chương trình chất lượng cao		
1	CLC1	(1) Kinh tế phát triển	A00, A01, D01, D07
2		(2) Ngân hàng	
3		(3) Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	
4		(4) Bảo hiểm tích hợp chứng chỉ ANZIIF	
1	CLC2	(1) Kinh tế Đầu tư	A00, A01, D01, D07
2		(2) Quản trị nhân lực	
3		(3) Quản trị kinh doanh	
4		(4) Quan hệ công chúng	
1	CLC3	(1) Tài chính doanh nghiệp	A00, A01, D01, D07
2		(2) Digital Marketing	
3		(3) Quản trị Marketing	
4		(4) Quản trị Kinh doanh quốc tế	
5		(5) Kinh tế quốc tế	
6		(6) Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	
7		(7) Thương mại điện tử	
8		(8) Kiểm toán tích hợp chứng chỉ ACCA	